TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA SÚP** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 21/6/2024.
V/v: "Tranh chấp hôn nhân gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Xuân Sơn**.

Hội thẩm nhân dân: Ông **Bành Trọng Bình** và bà **Nguyễn Thị Hồng**.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Phạm Đức Nguyên Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà **Ngụ Lê Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2024 vụ án "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST- HNGĐ ngày 05/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Cầm Thị Á** – sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn L, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Hà Văn T** – sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn L, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Cầm Thị Á trình bày:

Chị và và anh Hà Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29/5/2017 tại UBND xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Quá trình chung sống do tính tình không hợp, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, hạnh phúc không hàn gắn được, hai vợ chồng phải sống ly thân từ năm 2021 cho đến

nay và hiện nay chị và anh T đều về chung sống với bố mẹ đẻ của mình (anh T ở tại xã I, chị Á ở tại xã B).

- Về con chung: Có 02 chung tên là Hà Quốc B – sinh ngày 30/4/2018 và Hà Thị Thu T – sinh ngày 14/10/2020, khi ly thân thì hai vợ chồng thỏa thuận chị Á nuôi dưỡng chăm sóc con tên là Hà Thị Thu T; anh T nuôi dưỡng chăm sóc con tên là Hà Quốc B cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Á không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Hà Văn T vắng mặt do đó không lấy được ý kiến của anh T

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp, Thư ký phiên họp giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc giải quyết vụ án.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Cầm Thị Á, tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên chị Cầm Thị Á ly hôn với anh Hà Văn T.

- *Về con chung*: Giao cháu Hà Thị Thu T – sinh ngày 14/10/2020 cho chị Cầm Thị Á trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hà Quốc B – sinh ngày 30/4/2018 cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, công nợ*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Hà Văn T hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh T vẫn vắng

mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Cầm Thị Á và anh Hà Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 29/5/2017 tại UBND xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trên nguyên tắc tự nguyện, phù hợp pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và tiến hành hòa giải nhưng không thành, lý do anh Hà Văn T vắng mặt không có lý do. Về mâu thuẫn vợ chồng lý do chị Cầm Thị Á đưa ra là do tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng nên chị Á đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ để ở và vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như qua xem xét tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng tại chính quyền địa phương và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị Cầm Thị Á, anh Hà Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không hàn gắn được hạnh phúc là phù hợp với lời khai của chị Cầm Thị Á.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Cầm Thị Á, anh Hà Văn T thuộc tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Cầm Thị Á là có cơ sở nên cần chấp nhận đơn ly hôn của chị Á.

[3] *Về con chung*: Xét các con chung của vợ chồng hiện nay chị Cầm Thị Á đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Thị Thu T – sinh ngày 14/10/2020, anh Hà Văn T đang nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hà Quốc B – sinh ngày 30/4/2018, các bên đủ điều kiện để nuôi con, đồng thời để đảm bảo ổn định cuộc sống cho 02 con. Hội đồng xét xử nghĩ cần để cho chị Á và anh Tố tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các con như hiện tại cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Á không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] *Về án phí*: Các đương sự là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điều 186 và Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và

Gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

+ Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cầm Thị Á.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Cầm Thị Á được ly hôn với anh Hà Văn T.

2/ Về con chung: Giao cho chị Cầm Thị Á chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Hà Thị Thu T – sinh ngày 14/10/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao cho anh Hà Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Hà Quốc B – sinh ngày 30/4/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4/ *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Cầm Thị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

5/ Về án phí: Chị Cầm Thị Á được miễn tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trả lại cho chị Ánh số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003529 ngày 17/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

6/ *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Ea Súp;
- UBND xã Ia Jlơi, huyện Ea Súp;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Bùi Xuân Sơn